TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/DS-PT
Ngày 08 - 12 - 2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và bồi thường thiệt hại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Chu Thị Nguyễn Phin;

Các thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn;

Ông Lộc Sơn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Sơn Lâm - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Bà Lăng Thị Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất; tài sản gắn liền với đất và bồi thường thiệt hại

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lộc Thị V, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh L. Có mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy X; Luật sư Văn phòng Luật sư N - thuộc đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1956. Địa chỉ: Số nhà 63, tổ 5 khối 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh L. Có mặt.

- Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1962. Thị trấn C, huyện C, tỉnh L. Có mặt

- Ông Hoàng Đức L, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh L. Có mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Lê Thị L; Luật sư Văn phòng Luật sư T - thuộc đoàn Luật sư tỉnh L. Có mặt.

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hoàng Mạnh K, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh L. Có mặt.

- Cụ Lư Thị T, sinh năm 1930. Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh L. Có mặt.

- Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh L. Vắng mặt.

- Bà Lương Thị V, sinh năm 1956. Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh L. Có mặt.

- Bà Hoàng Thị H (tức H), sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện C, tỉnh L. Có mặt.

- Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh L. Vắng mặt.

- Chị Hoàng Thị P, sinh năm 1977. Địa chỉ: Phường T, thành phố L, tỉnh L. Vắng mặt.

- Anh Hoàng Văn T2, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh L. Vắng mặt.

4. Người làm chứng:

- Ông Hoàng Sẩy S, sinh năm 1954. Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh L. Vắng mặt.

- Ông Hà Xuân V, sinh năm 1954. Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của các bên đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cụ Hoàng Văn L và cụ Lư Thị T có 08 người con gồm;

1. Hoàng Văn T1, sinh năm 1956;

2. Hoàng Đức L, sinh năm 1959;

3. Hoàng Thị H, sinh năm 1960;

4. Hoàng Văn B, sinh năm 1962;

5. Hoàng Thị V, sinh năm 1966;

6. Hoàng Văn Q, sinh năm 1970;

7. Hoàng Văn G (đã chết có vợ là Lộc Thị V);

8. Hoàng Văn N (đã chết).

Năm 1995 bà Lộc Thị V kết hôn với ông Hoàng Văn G và ở chung với mẹ chồng là cụ Lư Thị T tại khối 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh L. Năm 1999 cụ Lư Thị T bán nhà cùng con trai là Hoàng Đức L chuyển vào miền Nam sinh sống, vợ chồng bà Lộc Thị V chuyển về ở với bố chồng là cụ Hoàng Văn L tại tổ 3, khối 1, thị trấn C. Năm 2004 cụ Lư Thị T và ông Hoàng Đức L cũng quay về và ở tại tổ 3 khối 1 thị trấn C, huyện C, tỉnh L. Năm 2015 ông Hoàng Văn Q cũng không sinh sống tại Lâm Đồng nữa mà quay về ở tại tổ 3 khối 1 thị trấn C, huyện C, tỉnh L. Năm 2001 cụ Hoàng Văn L cho vợ chồng bà Lộc Thị V và ông Hoàng Văn G cắt một gian ở ngôi nhà xây chiên cay cũ để xây 01 ngôi nhà cấp 4 ở riêng; còn lại 02 gian cụ Hoàng Văn L ở, hàng ngày cụ Hoàng Văn L ăn chung cùng vợ chồng bà Lộc Thị V và ông Hoàng Văn G.

Ngày 07/3/2003, cụ Hoàng Văn L làm giấy phân chia đất thổ cư cho các con là Hoàng Văn B và Hoàng Văn G; cụ thể Hoàng Văn B được chia 700m^2 tại thửa 140; Hoàng Văn G được chia 700m^2 tại thửa 133 tờ bản đồ số 11, bản đồ địa chính thị trấn C. Biên bản phân chia đất do bà Lộc Thị V viết, có chữ ký của cụ Hoàng Văn L, Hoàng Văn B, Hoàng Văn G và có xác nhận của khối trưởng, cán bộ địa chính thị trấn C (Việc chia đất chỉ chia cho hai người là ông Hoàng Văn B và ông Hoàng Văn G còn lại 6 người con đẻ khác của cụ Hoàng Văn L và cụ Lư Thị T không được chia và cũng không biết việc cụ Hoàng Văn L chia đất).

Sau khi làm biên bản chia đất xong, cụ Hoàng Văn L đã bán cho chị Nông Thị Thanh H trú tại số phường T, thành phố L, tỉnh L 80m^2; thửa 133 còn lại là 1.061,2m^2. Năm 2004 cụ Hoàng Văn L đã đi kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cả phần đất đã chia cho vợ chồng ông Hoàng Văn G bà Lộc Thị V và cả phần đất dưỡng lão của cụ Hoàng Văn L. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ Hoàng Văn L tiếp tục bán cho chị Nông Hồng H 67m^2 đất tại thửa số 133 (thuộc phần đất mà vợ chồng bà Lộc Thị V đã được chia).

Năm 2005 vợ chồng bà Lộc Thị V xây toàn bộ tường rào bao quanh khu nhà và diện tích đất được chia, trong đó có cả nhà mới xây và nhà chiên cay cũ của cụ Hoàng Văn L.

Năm 2008 ông Hoàng Văn G (chồng bà Lộc Thị V) chết, đến tháng 4/2014 cụ Hoàng Văn L chết. Sau khi cụ Hoàng Văn L chết, các con cụ Hoàng Văn L là Hoàng Văn B, Hoàng Văn T1, Hoàng Đức L đến đập phá tường rào và phá một phần nhà cũ của cụ Hoàng Văn L để sử dụng với diện tích 397,6m^2 nên đã xảy ra tranh chấp. Việc tranh chấp đã được chính quyền hòa giải nhưng không có kết quả, bà Lộc Thị V làm đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng 397,6m^2 đất, đồng thời yêu cầu các ông Hoàng Văn B, Hoàng Văn T1, Hoàng Đức L phải bồi thường thiệt hại do hành vi đập phá cây cối, tường rào mà các ông Hoàng Văn T1, Hoàng Văn B, Hoàng Đức L đã gây ra.

Các căn cứ mà nguyên đơn bà Lộc Thị V đưa ra đòi quản lý sử dụng đất tranh chấp là 01 giấy phân chia đất lập ngày 07/3/2003; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ Hoàng Văn L với tổng diện tích 1.061,2m^2 và sổ hộ khẩu gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án (Tại bản tự khai) ngày 05/4/2017 bà Lộc Thị V đã rút một phần yêu cầu bồi thường. Ngày 19/6/2017 bà Lộc Thị V có đề nghị trên diện tích đất tranh chấp để lại diện tích đường đi vào khu đất dưỡng lão của cụ Hoàng Văn L có chiều rộng là 2m và chiều dài là 40m, tổng diện tích đường đi khoảng 80m^2. Đất mở đường nằm trong thửa 133. Diện tích còn lại bà Lộc Thị V yêu cầu được quản lý sử dụng.

Các bị đơn: Ông Hoàng Văn T1, Hoàng Đức L, Hoàng Văn B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lộc Thị V với lý do đất tranh chấp có nguồn gốc là của bố mẹ các ông (Là cụ Hoàng Văn L và cụ Lư Thị T) khai phá từ những năm 1959 - 1960. Năm 2004 cụ Hoàng Văn L là người kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nay cụ Hoàng Văn L đã chết nhưng cụ Lư Thị T vẫn còn sống là người được thừa kế và toàn quyền quyết định về tài sản do cụ Hoàng Văn L để lại. Về biên bản chia đất là không hợp lệ, vì không họp gia đình, không có mặt cụ Lư Thị T và tất cả những người con trong gia đình; chữ ký ở cuối biên bản chia đất ngày 07/3/2003 không phải là chữ ký của ông Hoàng Văn L. Các bị đơn yêu cầu hủy giấy chia đất ngày 07/3/2003.

Ngoài ra các bị đơn còn cho rằng năm 2014 khi cụ Hoàng Văn L còn sống có đòi lại sổ đỏ do bà Lộc Thị V cầm giữ để chia lại đất, nhưng bà Lộc Thị V cố tình giấu đi. Cụ Hoàng Văn L đã làm đơn nhờ chính quyền can thiệp. Nên các bị đơn cho rằng toàn bộ diện tích đất thuộc thửa đất 133 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Văn L là di sản của ông Hoàng Văn L để lại chưa được chia cho ai.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bên bị đơn):

- Cụ Lư Thị T yêu cầu được quản lý sử dụng phần đất tranh chấp.

- Ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị V, Hoàng Thị H (là các con cụ Hoàng Văn L) có chung quan điểm với cụ Lư Thị T.

- Bà Lương Thị V (vợ ông Hoàng Văn N) trình bày: Gia đình bà chỉ được cụ Hoàng Văn L chia ruộng. Còn việc cụ Hoàng Văn L chia đất thổ cư cho ông Hoàng Văn B và ông Hoàng Văn G như thế nào bà không được biết, đất tranh chấp bà không có ý kiến gì, vì các ông Hoàng Văn T1, Hoàng Đức L, Hoàng Văn B khác tranh chấp với Lộc Thị V, bà không liên quan.

- Chị Hoàng Thị P và anh Hoàng Văn T2 từ chối không tham gia tố tụng.

Với nội dung vụ án trên, tại bản án số: 01/2015/DSST ngày 24/4/2015 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã xử.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lộc Thị V, giao cho bà Lộc Thị V tiếp tục được quyền quản lý, sử dụng khu nhà bà Lộc Thị V đã xây tổng diện tích cả nhà và đất là 397,6m^2 (có sơ đồ kèm theo).

2. Về bồi thường thiệt hại: Buộc các ông Hoàng Đức L, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn B phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho bà Lộc Thị V số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Cụ thể, mỗi người phải bồi thường số tiền là 1.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi xuất chậm trả án phí, chi phí định giá, quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án, trong thời hạn luật định các bị đơn Hoàng Văn T1, Hoàng Đức L, Hoàng Văn B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ Lư Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không khách quan.

Ngày 17 tháng 8 năm 2015, Tòa án nhân tỉnh Lạng Sơn đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án số 40/2015/DS-PT ngày 17/8/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã xử: Tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2015/DS-ST ngày 24/4/2015 của Tòa án nhân dân huyện C, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án huyện C để giải quyết lại vụ án, với những lý do sau:

- Đánh giá chứng cứ chưa chính xác.

- Chưa hướng dẫn cho các bị đơn để thực hiện yêu cầu phản tố.

- Chưa xem xét hết các yêu cầu của các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 05/10/2015 Tòa án nhân dân huyện C thụ lý lại vụ án. Tại bản án số 06/2016/DSST ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện C đã xét xử.

* Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lộc Thị V về tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản ngoài hợp đồng, cụ thể như sau:

- Bà Lộc Thị V và anh Hoàng Mạnh K được quản lý sử dụng diện tích đất là 404,08m^2 trên đất có ngôi nhà cấp bốn, nhà chiên cay phụ (bếp)…

- Bà Lư Thị T được quản lý sử hữu hai ngôi nhà chiên cay (chính + bếp) xây năm 1960 trên tổng diện tích đất là 583,92m^2 … (Có sơ đồ kèm theo). Nhưng bà Lư Thị T phải có trách nhiệm bồi thường trị giá bằng tiền cho các ông Hoàng Văn T1, Hoàng Văn B, Hoàng Đức L, Hoàng Văn Q; các bà Lương Thị V, Hoàng Thị H, Hoàng Thị V mỗi kỷ phần là 7.715.000đ.

2. Về phần bồi thường thiệt hại:

* Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lộc Thị V về việc yêu cầu các ông Hoàng Văn T1, Hoàng Văn B, Hoàng Đức L bồi thường giá trị thiệt hại về hoa màu cây ăn quả, do bà Lộc Thị V đã rút một phần yêu cầu khởi kiện.

* Xử bác yêu cầu của bà Lộc Thị V đòi các ông Hoàng Văn T1, Hoàng Văn B, Hoàng Đức L bồi thường thiệt hại về tường rào.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, trong thời hạn luật định, nguyên đơn bà Lộc Thị V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án không theo yêu cầu của người khởi kiện.

Các bị đơn ông Hoàng Văn T1, Hoàng Đức L, Hoàng Văn B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ Lư Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án không đúng với quy định hiện hành.

Tại bản án số 02/2017/DS-PT ngày 14/02/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã xử: Tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 06/2016/DS-ST ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án huyện C giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm, với những lý do sau:

- Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cả phần diện tích đất không tranh chấp cũng như giải quyết cả phần đất mà nguyên đơn không yêu cầu là vượt quá yêu cầu của các đương sự cũng như giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện của vụ án.

- Bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

- Đối với yêu cầu của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Lư Thị T yêu cầu phân chia tài sản tranh chấp, chia thừa kế cũng như các đương sự khác nếu có yêu cầu chia thừa kế thì phải làm đơn yêu cầu và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự để được xem xét giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý lại vụ án.

Ngày 10 tháng 3 năm 2017 Tòa án nhân dân huyện C đã thụ lý lại vụ án

- Tại bản tự khai ngày 05/4/2017 nguyên đơn Lộc Thị V vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất là 397,6m^2 cùng các tài sản trên đất; không yêu cầu các ông Hoàng Văn T1, Hoàng Văn B, Hoàng Đức L bồi thường về cây cối và tường rào đã bị phá hủy.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bên nguyên đơn) anh Hoàng Mạnh K nhất trí với nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Lộc Thị V (mẹ), anh không có ý kiến gì bổ sung.

- Các bị đơn: Hoàng Văn T1, Hoàng Văn B, Hoàng Đức L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bên bị đơn) trình bày: Diện tích đất tranh chấp 397,6m^2 vẫn thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Hoàng Văn L, cụ Hoàng Văn L chưa chia cho ai, giấy chia đất năm 2003 không có mặt bà Lư Thị T và những người con khác do đó giấy chia đất này không có giá trị về mặt pháp lý, yêu cầu hủy bỏ.

Các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu lấy lại toàn bộ 700m^2 đất theo giấy chia đất năm 2003 để chia lại. Mặc dù đã được Tòa giải thích đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của đương sự, phạm vi khởi kiện của nguyên đơn nhưng các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không làm đơn yêu cầu chia thừa kế, chỉ yêu cầu thu hồi quyển sổ đỏ của ông Hoàng Văn L mà bà Lộc Thị V đang giữ để giao cho bà Lư Thị T tự chia cho các con và hủy giấy chia đất năm 2003.

Sau khi Tòa án mở phiên họp tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 19 tháng 6 năm 2017 nguyên đơn Lộc Thị V có đơn đề nghị tự nguyện mở đường qua phần đất đang tranh chấp vào phần đất dưỡng lão của ông Hoàng Văn L, Tòa án đã có công văn đề nghị Văn phòng Đăng ký đất đai huyện xác định lại diện tích đất tranh chấp (sau khi trừ phần diện tích đất mở đường). Ngày 14/7/2017 Văn phòng Đăng ký đất đai xác định lại diện tích đất tranh chấp và cung cấp cho Tòa án, thì diện tích đất đang tranh chấp (sau khi đã trừ đường đi) là 339,3m^2.

Về giá trị tài sản có tranh chấp: Căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 27/8/2014 xác định diện tích đất ở có trị giá là 225.000đ/m^2; diện tích đất vườn là 30.000đ/m^2. Tại biên bản định giá tài sản ngày 08/9/2016 của Hội đồng định giá tài sản xác định: Về ngôi nhà và công trình phụ do ông Hoàng Văn L xây trên đất tranh chấp do đã hết khấu hao, nên không định giá; tại bản trích lục bản đồ địa chính số 584/TLBĐ ngày 14/7/2017 của Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C xác định: Diện tích đất tranh chấp là 339,3m^2, trong đó: Diện tích đất ở là 179,4m^2; diện tích đất vườn là 159,9m^2, quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều không yêu cầu định giá lại, giữ nguyên mức giá theo như biên bản

định giá ngày 28/7/2014. Do vậy Hội đồng xét xử xác định giá trị tài sản tranh chấp là 339,3m^2 có trị giá là (179,4 x 225.000đ) + (159,9 x 30.000đ) = 45.162.000 đồng.

Với nội dung trên; sau khi tiến hành hòa giải không thành, tại bản án dân sự sơ thẩm 03/2017/DS-ST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 6, Khoản 7, Điều 25; khoản 1 Điều 131; Điều 142 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2004; Các Điều 255, 256 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 1 Điều 147; Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 101, 102, 164, 165, 166, 169, 180, 182, 183, 185, 234 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 29 Điều 3, các Điều 100, 202, 203 luật đất đai 2013 và hướng dẫn tại điểm 4 phần III Giải đáp số 01/2017 ngày 07 - 4 - 2017 của Tòa án nhân dân Tối cao về một số vấn đề về nghiệp vụ. Điểm b khoản 1; khoản 2 Điều 27 của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL - UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lộc Thị V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Hoàng Mạnh K được quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất 339,3m^2 *(theo trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai huyện cung cấp diện tích đất tranh chấp là từ các điểm 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 19, 20, 21)* thuộc một phần thửa số 133, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.061,2m^2 đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/12/2004 mang tên chủ hộ ông Hoàng Văn L (Trên diện tích đất tranh chấp có 01 (một) ngôi nhà chính diện tích là 44,12m^2 và 01 (một) nhà bếp diện tích 29,07m^2 do vợ chồng ông Hoàng Văn L xây năm 1960; 01 (một) nhà vệ sinh do vợ chồng Hoàng Văn G xây năm 2005).

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Lộc Thị V cắt một phần đất có diện tích là 58,3m^2 để mở đường vào phần đất dưỡng lão của ông Hoàng Văn L; nếu sau này phần đất dưỡng lão của ông Hoàng Văn L ai là người được quản lý, sử dụng thì được hưởng phần diện tích 58,3m^2 *(theo trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai huyện cung cấp diện tích là từ các điểm 1, 2, 21, 20, 19, 12, 13, 14, 16, 18)*. (**Có trích lục bản đồ địa chính thửa đất kèm theo**).

2. Xử bác yêu cầu của các ông Hoàng Văn T1, Hoàng Văn B, Hoàng Đức L yêu cầu bà Lộc Thị V trả lại diện tích đất 339,3m^2, thuộc một phần thửa số 133, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.061,2m^2 đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/12/2004 mang tên chủ hộ ông Hoàng Văn L để giao cho cụ Lư Thị T để chia cho các con là không có căn cứ.

3. Đình chỉ phần yêu cầu bồi thường thiệt hại về cây cối và tường rào của bà Lộc Thị V đối với các bị đơn Hoàng Văn T1, Hoàng Văn B, Hoàng Đức L. Vì bà Lộc Thị V đã rút yêu cầu.

4. Đối với yêu cầu của bị đơn Hoàng Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Lư Thị T yêu cầu phân chia tài sản tranh chấp, chia thừa kế hoặc yêu cầu bồi thường cũng như các đương sự khác nếu có yêu cầu chia thừa kế thì phải làm đơn yêu cầu và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự để được Tòa án xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và chi phí xem xét thẩm định, quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định ngày 06/8/2017 các bị đơn ông Hoàng Đức L, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn B có đơn kháng cáo với nội dung Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không công bằng, hợp lý.

Ngày 07/8/2017; ngày 09/8/2017 cụ Lư Thị T và bà Hoàng Thị H (là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) có đơn kháng cáo với nội dung toàn bộ diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa số 133, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.061,2m^2 đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/12/2004 mang tên chủ hộ ông Hoàng Văn L đây là tài sản chung của vợ chồng cụ Lư Thị T và cụ Hoàng Văn L chưa chia cho ai, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử chia đôi diện tích trong giấy CNQSD đất cho cụ Lư Thị T quản lý sử dụng 530m^2; phần còn lại 530m^2 của cụ Hoàng Văn L đem chia theo luật thừa kế. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì biên bản chia đất do bà Lộc Thị V đưa ra không có giá trị pháp lý biên bản không có chữ ký của bà cụ Lư Thị T và các thành viên trong gia đình.

Tại Quyết định số 44/QĐKNPT-VKS-DS ngày 28/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị phúc thẩm đối với bản án số 03/2017/DS-ST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn với lý do:

1. Diện tích đất tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Hoàng Văn L được cấp ngày 08/12/2004, kể từ khi cụ Hoàng Văn L được cấp giấy chứng nhận quyền sử đất thì bản phân chia đất ngày 07/3/2003 không còn giá trị pháp lý và xác định đất là của hộ ông Hoàng Văn L.

2. Trong vụ án bà Lộc Thị V khởi kiện yêu cầu được quản lý sử dụng đất được tặng cho (Theo biên bản phân chia đất ngày 07/3/2003), không khởi kiện đất của hộ gia đình cấp cho hộ ông Hoàng Văn L, dó đó bản án chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lộc Thị V là không có căn cứ.

3. Bản án sơ thẩm chưa xem xét yêu cầu của cụ Lư Thị T yêu cầu chia đôi diện tích đất cho cụ quản lý sử dụng 530m^2. Diện tích còn lại chia đều 8 người con, quá trình giải quyết vụ án trong hồ sơ vụ án không thể hiện có hướng dẫn cụ Lư Thị T thực hiện các thủ tục của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập theo quy định tại Điều 201 của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét yêu cầu khởi kiện của bà Lộc Thị V, các bị đơn không có yêu cầu phản tố, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm nêu "Bác yêu cầu của các ông Hoàng Văn T1, Hoàng Văn B, Hoàng Đức L yêu cầu bà Lộc Thị V trả lại diện tích đất 339,3m^2…" là tuyên vượt quá không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án.

Với những lý do trên VKSND tỉnh Lạng Sơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án số 03/2017/DS-ST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thay đổi nội dung kháng cáo cụ thể: Ông Hoàng Đức L, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn B, cụ Lư Thị T và bà Hoàng Thị H yêu cầu cấp phúc thẩm xử cho cụ Lư Thị T được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan điểm giải quyết kháng cáo, kháng nghị:

*Về kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự có rút một phần kháng cáo việc rút một phần kháng cáo là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Về nguồn gốc đất tranh chấp 339,0m^2 là một phần trong tổng diện tích 1.061,2m^2 thuộc thửa đất số 133, tờ bản đồ số 11, do vợ chồng cụ Hoàng Văn L và cụ Lư Thị T khai phá, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ngày 08/12/2004 mang tên hộ cụ Hoàng Văn L. Trên đất tranh chấp còn có hai ngôi nhà chiên cay do hai cụ xây dựng từ năm 1960. Năm 2003 cụ Hoàng Văn L chia đất cho ông Hoàng Văn B và ông Hoàng Văn G là có thật. Sau khi được chia đất ông Hoàng Văn B đã đi kê khai và được cấp quyền sử dụng đất, còn ông Hoàng Văn G và bà Lộc Thị V không đi khai để được cấp giấy CNQSD đất theo quy định tại Điều 129 Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 725 Bộ luật dân sự năm 2005. Năm 2004 cụ Hoàng Văn L đi kê khai nên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử đất đối với toàn bộ diện tích 1.061,2m^2. Do vậy, giấy tặng cho quyền sử dụng đất năm 2003 không còn giá trị. Bà Lộc Thị V cũng không

yêu cầu chia thừa kế hoặc chia tài sản chung nên kháng cáo của các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

Về kháng nghị: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đề nghị Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà Lộc Thị V. Giao diện tích đất tranh chấp và tài sản trên đất tranh chấp cho cụ Lư Thị T quản lý sử dụng.

Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS, sửa bản án sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Lộc Thị V đòi quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp 339,9m^2. Giao diện tích đất tranh chấp và tài sản trên đất tranh chấp cho cụ Lư Thị T quản lý sử dụng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và ý kiến của các đương sự, các luật sư, Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] ***Về quan hệ pháp luật***: Theo đơn khởi kiện bà Lộc Thị V yêu cầu quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp, tài sản trên đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản. Tại phiên tòa sơ thẩm bà Lộc Thị V xác định chỉ khởi kiện đòi quản lý diện tích đất tranh chấp là 339,9m^2 theo giấy phân chia đất ngày 07/3/2003 ngoài ra không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác do đó bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp quyền sử dụng đất" là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[2] ***Về nguồn gốc đất tranh chấp*:** Đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 133 có diện tích 1.061,2m^2, thuộc tờ bản đồ số 11 do cụ Hoàng Văn L và cụ Lư Thị T khai phá từ năm 1959 - 1960 cụ Hoàng Văn L là người trực tiếp quản lý sử dụng, đến năm 2004 cụ Hoàng Văn L được UBND huyện C cấp giấy CNQSD đất mang tên hộ ông Hoàng Văn L. Khi còn sống tháng 01/2014 cụ Hoàng Văn L đã có đơn yêu cầu các cấp chính quyền can thiệp để đòi lại giấy CNQSD đất từ bà Lộc Thị V, nhưng bà Lộc Thị V không đưa cho cụ Hoàng Văn L điều đó thể hiện ý chí của Hoàng Văn L đối với quyền sử dụng đất trong thửa số 133 vẫn thuộc tài sản của cụ Hoàng Văn L.

[3] Về diện tích đất tranh chấp: Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/8/2014 thì diện tích tranh chấp đo được là 397,6 m^2. Trên đất tranh chấp có 01 nhà chính diện tích là 44,12m^2 và 01 nhà bếp diện tích 29,07m^2 do vợ chồng cụ Hoàng Văn L xây năm 1960; 01 nhà vệ sinh do vợ chồng bà Lộc Thị V xây năm 2005. Tại trích lục bản đồ địa chính số 584 ngày 14/7/2017 của Văn

phòng Đăng ký đất đai huyện C thì diện tích tranh chấp là 339,3m^2 (sau khi đã trừ diện tích đất mở đường vào diện tích đất dưỡng lão của cụ Hoàng Văn L).

[4] ***Về giấy phân chia đất đai lập ngày 07/3/2003:*** Quá trình giải quyết vụ án bà Lộc Thị V thừa nhận giấy này do bà Lộc Thị V viết có nội dung cụ Hoàng Văn L chia cho Hoàng Văn B 700m^2 thuộc thửa đất số 140; chia cho ông Hoàng Văn G 700m^2 thuộc thửa đất số 133 tờ bản đồ địa chính số 11 của UBND thị trấn C. Giấy chia đất có chữ ký của cụ Hoàng Văn L, ông Hoàng Văn B, Hoàng Văn G, Lộc Thị V và có xác nhận của cán bộ Địa chính thị trấn C. Điều đó thể hiện ý trí của cụ Hoàng Văn L muốn chia đất cho hai người con trai. Tuy nhiên sau khi được chia đất thì ông Hoàng Văn B đã đi kê khai xin cấp quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 129 Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 725 BLDS năm 2005 nên đã được UBND huyện C cấp giấy CNQSD đất còn vợ chồng ông Hoàng Văn G bà Lộc Thị V không đi kê khai để được cấp giấy CNQSD đất. Năm 2004 cụ Hoàng Văn L đã đi kê khai phần đất dưỡng lão và kê luôn cả phần đất đã chia cho ông Hoàng Văn G và được UBND huyện C cấp giấy CNQSD đất ngày 08/12/2004 đúng thủ tục, đúng đối tượng, việc cấp giấy CNQSD đất của UBND huyện C là đúng quy định của pháp luật. Như vậy giấy CNQSD đất của cụ Hoàng Văn L đã phủ nhận, thay thế giấy chia đất ngày 07/3/2003.

[5] Tại thời điểm cụ Hoàng Văn L đi kê khai cấp giấy CNQSD đất bà Lộc Thị V và ông Hoàng Văn G cũng biết nhưng không có ý kiến gì, đồng thời sau khi có giấy CNQSD đất cụ Hoàng Văn L tiếp tục bán cho bà Nông Hồng H, trú tại thôn V, xã H, thành phố L 67m^2. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/8/2014 xác định diện tích đất đã bán cho bà Nông Hồng H là 70m^2, diện tích đất tranh chấp là 397,6m^2 diện tích đất bà Lộc Thị V và anh Hoàng Mạnh K đang sử dụng là 232,4m^2, đất dưỡng lão của cụ Hoàng Văn L là 358m^2. Như vậy tổng diện tích đất cụ Hoàng Văn L để lại thực tế chỉ còn 988m^2. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã được Tòa án giải thích về quyền và nghĩa vụ của mình khi có yêu cầu phản tố, hoặc yêu cầu độc lập đòi chia toàn diện tích đất do cụ Hoàng Văn L để lại nhưng các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không làm đơn yêu cầu chia thừa kế nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu của các bị đơn là có căn cứ. Tuy nhiên tại thời điểm cấp giấy CNQSD đất thì trong hộ cụ Hoàng Văn L gồm có Hoàng Văn L, Hoàng Văn G, Lộc Thị V, Hoàng Mạnh K (con trai của ông Hoàng Văn G, bà Lộc Thị V). Cụ Lư Thị T tại thời điểm này đi theo ông Hoàng Đức L (là con trai) vào miền Nam sinh sống nên không có tên trong sổ hộ khẩu, nhưng cụ Lư Thị T vẫn là vợ hợp pháp của cụ Hoàng Văn L. Trên tổng diện tích đất 700m^2 mà cụ Hoàng Văn L chia cho ông Hoàng Văn G trên đất có hai ngôi nhà chiên cay xây từ năm 1960 là tài sản chung của vợ chồng cụ Hoàng Văn L và cụ Lư Thị T, việc cụ Hoàng

Văn L tự ý phân chia toàn bộ 700m^2 cho Hoàng Văn G và 02 ngôi nhà xây chiên cay mà không được sự đồng ý cụ Lư Thị T đã gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của cụ Lư Thị T được pháp luật bảo hộ.

[6] Đối với cụ Lư Thị T; tại phiên tòa sơ thẩm yêu cầu được chia ½ diện tích đất cụ Hoàng Văn L để lại cho cụ quản lý, còn ½ phần của cụ Hoàng Văn L chia đều cho các con của cụ Hoàng Văn L cụ Lư Thị T. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập cụ Lư Thị T lên để viết bản tự khai và giải thích cho cụ biết về quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Tuy nhiên ngày 04 tháng 5 năm 2017 Tòa án nhân dân huyện C đã triệu tập cụ Lư Thị T đến để làm việc và giải thích cho cụ Lư Thị T. Nhưng các con cụ Lư Thị T là ông Hoàng Văn T1, ông Hoàng Văn B chỉ đưa cụ Lư Thị T đến sân Tòa án, không cho cụ Lư Thị T làm việc với cán bộ Tòa án (BL 687). Điều đó thể hiện các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định tại điểm 25 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm cụ Lư Thị T và các bị đơn cho rằng do thiếu hiểu biết pháp luật nên đã có ý kiến không rõ ràng. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự có rút một phần kháng cáo, việc rút một phần kháng cáo là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Các bị đơn và cụ Lư Thị T, bà Hoàng Thị H chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho cụ Lư Thị T được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp là 339,3m^2 và 2 ngôi nhà xây cay chiên từ năm 1960. Thấy rằng 02 (hai) ngôi nhà trên là tài sản chung của cụ Lư Thị T và cụ Hoàng Văn L tạo dựng, nay cụ Hoàng Văn L chết không để lại di chúc, cụ Lư Thị T là người đang trực tiếp quản lý sử dụng. Những người con của cụ Hoàng Văn L và cụ Lư Thị T hiện còn sống và tham gia tố tụng trong vụ án không yêu cầu chia di sản thừa kế hoặc chia tài sản chung mà thống nhất để cụ Lư Thị T quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp. Như vậy phần diện tích đất tranh chấp và tài sản trên đất hiện nay cần được giao cho cụ Lư Thị T quản lý sử dụng là phù hợp.

[7] Bà Lộc Thị V hiện đang quản lý sử dụng 232,4m^2 không có tranh chấp, nếu trong trường hợp chia di sản thừa kế thì phần diện tích đất cụ Hoàng Văn L để lại sẽ được chia theo kỷ phần. Do ông Hoàng Văn G (chồng bà Lộc Thị V) đã chết không để lại di chúc nên bà Lộc Thị V, anh Hoàng Mạnh K và cụ Lư Thị T sẽ được hưởng phần di sản của ông Hoàng Văn G để lại. Tuy nhiên trong vụ án này bà Lộc Thị V không yêu cầu chia thừa kế hoặc chia tài sản chung mà chỉ đòi quản lý sử dụng diện tích đất theo giấy chia đất năm 2003 nên không có căn cứ, giấy chia đất năm 2003 không còn giá trị về mặt pháp lý.

[8] Đối với tài sản trên đất tranh chấp tại biên bản xem xét thẩm định xác định có một nhà vệ sinh do vợ chồng bà Lộc Thị V xây dựng từ năm 2005, nay cụ Lư Thị T được quản lý sử dụng thì phải có trách nhiệm thanh toán bằng tiền

cho bà Lộc Thị V, theo biên bản định giá tài sản ngày 08 tháng 09 năm 2016 (BL 499) thì nhà vệ sinh xây bằng gạch chỉ từ năm 2005 diện tích 3,5m^2 giá trị còn lại 1.801.072 đồng.

[9] Đối với các diện tích đất nằm ngoài phạm vi khởi kiện của vụ án, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu chia thừa kế hoặc yêu cầu bồi thường khác thì phải làm đơn yêu cầu và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự thì Tòa án sẽ thụ lý, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[10] Với nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn ông Hoàng Văn T1, Hoàng Văn B, Hoàng Đức L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ Lư Thị T, bà Hoàng Thị H. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiện sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cáo Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

[11] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên các bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho các đương sự.

[12] Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên nguyên đơn phải chịu khoản tiền án phí theo quy định của pháp luật, cụ thể trị giá số tài sản tranh chấp là: 45.162.000 đồng x 5% = 2.258.000 đồng (làm tròn số).

[13] Xác nhận bà Lộc Thị V đã nộp số tiền tạm ứng án phí 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2011/01916 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Số còn thừa trả lại bà Lộc Thị V là (2.500.000đ - 2.258.000đ) = 242.000 đồng (Hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

[14] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, chấp nhận kháng cáo của các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ Lư Thị T và bà Hoàng Thị H; sửa bản án sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Cụ thể:

Căn cứ vào khoản 6, 7 Điều 25; khoản 1 Điều 131; Điều 142 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2004; Các Điều 255, 256 Bộ Luật dân sự năm 2005; Khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 101, 102, 164, 165, 166,

169, 234,651 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 29 Điều 3, các Điều 100, 202, 203 Luật đất đai 2013; Khoản 1, 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 – UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lộc Thị V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Hoàng Mạnh K đòi quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất 339,3m^2 (*theo trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai huyện cung cấp diện tích đất tranh chấp là từ các điểm 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 19, 20, 21*) thuộc một phần thửa số 133, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.061,2m^2 đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/12/2004 mang tên chủ hộ ông Hoàng Văn L; Trên diện tích đất tranh chấp có 01 (một) ngôi nhà chính diện tích là 44,12m^2 và 01(một) nhà bếp diện tích 29,07m^2 do vợ chồng ông Hoàng Văn L xây năm 1960; 01 (một) nhà vệ sinh do vợ chồng Hoàng Văn G xây năm 2005 vì không có căn cứ.

2. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của cụ Lư Thị T, bà Hoàng Thị H và các bị đơn ông Hoàng Văn T1, Hoàng Văn B, Hoàng Đức L: Hủy giấy phân chia đất ngày 07/3/2003 vì không có giá trị về mặt pháp lý.

3. Cụ Lư Thị T được quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất 339,3m^2 *(theo trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai huyện cung cấp diện tích đất tranh chấp là từ các điểm 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 19, 20, 21)* thuộc một phần thửa số 133, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.061,2m^2 đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/12/2004 mang tên chủ hộ ông Hoàng Văn L (Trên diện tích đất tranh chấp có 01 (một) ngôi nhà chính diện tích là 44,12m^2 và 01(một) nhà bếp diện tích 29,07 m^2 do vợ chồng ông Hoàng Văn L xây năm 1960; 01 (một) nhà vệ sinh do vợ chồng Hoàng Văn G xây năm 2005). Cụ Lư Thị T có trách nhiệm thanh toán bằng tiền giá trị nhà vệ sinh cho bà Lộc Thị V với số tiền là 1.801.072 đồng. (Một triệu tám trăm linh một nghìn không trăm bảy mươi hai đồng).

Phần đất có diện tích là 58,3m^2 để mở đường vào phần đất dưỡng lão của cụ Hoàng Văn L: Nếu sau này phần đất dưỡng lão của cụ Hoàng Văn L ai là người được quản lý, sử dụng thì được hưởng phần diện tích 58,3m^2 *(theo trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai huyện cung cấp diện tích là từ các điểm 1, 2, 21, 20, 19,12,13,14,16,18)*. (Có trích lục bản đồ địa chính thửa đất kèm theo).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền trên

thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Đình chỉ phần yêu cầu bồi thường thiệt hại về cây cối và tường rào của bà Lộc Thị V đối với các bị đơn Hoàng Văn T1, Hoàng Văn B, Hoàng Đức L. Vì bà Lộc Thị V đã rút yêu cầu.

5. Về án phí:

- Do sửa án sơ thẩm nên các bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho các đương sự.

+ Hoàn trả cho ông Hoàng Đức L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2012/01549 ngày 09/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

+ Hoàn trả cho ông Hoàng Văn T1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2012/01548 ngày 09/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

+ Hoàn trả cho bà Hoàng Thị H (tức H) 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2012/01547 ngày 09/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

+ Hoàn trả cho ông Hoàng Văn B 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2012/01550 ngày 09/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

+ Hoàn trả cho cụ Lư Thị T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2012/05001 ngày 15/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, nên nguyên đơn phải chịu khoản tiền án phí theo quy định của pháp luật, cụ thể trị giá số tài sản tranh chấp là: 45.162.000 đồng x 5% = 2.258.000 đồng (làm tròn số).

- Xác nhận bà Lộc Thị V đã nộp số tiền tạm ứng án phí 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2011/01916 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C tỉnh Lạng Sơn. Số còn thừa trả lại bà Lộc Thị V là (2.500.000đ - 2.258.000đ) = 242.000 đồng (Hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 23/10/2017).

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDcc;
- VKSNDcc;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Người bvqlhp của đương sự;
- HCTP; KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Nguyễn Phin